

PHỤ LỤC I

NỘI DUNG, ĐIỂM SỐ, CÁCH TÍNH ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU; TÀI LIỆU ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

(Kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. Hướng dẫn điểm số, cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu; tài liệu đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số tối đa	Tài liệu đánh giá (1)
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)	3	(Không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật)
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá		- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho chính quyền cấp xã (Không có). - Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã (không có).
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật		
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên		
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá		
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật		
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý		
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn	7	- Có 1. 694 văn bản hành chính do chính quyền xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo 4.430 các

	bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>		<i>văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản hành chính cho chính quyền cấp xã .</i>
	a) Đạt 100%	7	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc đình chỉ thi hành, bãi bỏ văn bản hành chính; đơn khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân (Không có).
	b) Từ 95% đến dưới 100%		
	c) Từ 90% đến dưới 95%		
	d) Từ 85% đến dưới 90%		
	đ) Từ 80% đến dưới 85%		
	e) Từ 75% đến dưới 80%		
	g) Từ 70% đến dưới 75%		
	h) Từ 50% đến dưới 70%		
	i) Dưới 50%		
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	30	
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6	- Có các Danh mục thông tin đã được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã ban hành, đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân,
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin..).
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5	- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan
	b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời	1,5	

	điểm		đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã (Không có).
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>		
	a) Đạt 100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
	3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ		
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2	
	a) Đạt 100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70 đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
	4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật		
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5	
	a) Đạt 100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy	5	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của

định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>		Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (Không có)
1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (Không có).
a) Đạt 100%	1,5	
b) Từ 90% đến dưới 100%		
c) Từ 80% đến dưới 90%		
d) Từ 70% đến dưới 80%		
đ) Từ 50% đến dưới 70%		
e) Dưới 50%		
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2	
a) Đạt 100%	2	
b) Từ 90% đến dưới 100%		
c) Từ 80% đến dưới 90%		
d) Từ 70% đến dưới 80%		
đ) Từ 50% đến dưới 70%		
e) Dưới 50%		
3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	
a) Đạt 100%	1,5	
b) Từ 90% đến dưới 100%		
c) Từ 80% đến dưới 90%		

	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8	
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2	- Có Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm đã được lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã ban hành. - Có Kế hoạch, văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung, thời hạn ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2	
	b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật		
	c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên		- Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản, tài liệu triển khai các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch: Giấy mời tổ chức tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật được cấp phát (văn bản pháp luật, tờ gấp, tài liệu hỏi - đáp), các tin, bài, lịch phát sóng trên Đài truyền thanh cấp xã, đường link về nội dung liên quan trên Cổng hoặc
	2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):	4	
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế / Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>		
	a) Đạt 100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ	2	

	quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>		<i>Trang thông tin điện tử.</i> - Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan cấp trên. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ (nếu có).
	a) Đạt 100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5	
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả		
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả		- Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động thông qua hình thức, mô hình thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo, các tài liệu liên quan (<i>tài liệu tuyên truyền pháp luật ở 11 thôn và tài liệu tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh xã</i>) - Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả (kèm theo 34/34 phiếu lấy

			ý kiến) - Bản tổng hợp kết quả đánh giá hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở (có mẫu thống hợp)
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100	3	- Có Kế hoạch tổ chức tập huấn Công tác giải quyết tranh chấp đất đai, công tác tuyên truyền viên pháp luật và kỹ năng hòa giải ở cơ sở; giấy mời hoặc thông báo tham dự tập huấn. - Có Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn.
	a) Đạt 100%	3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		- Có Danh sách tuyên truyền viên pháp luật xác nhận tham dự và Quyết định công nhận Tuyên truyền viên pháp luật xã - Có Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn.
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3	- Có Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung phân bổ, bố trí kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3	- Có Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này		
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ		- Có Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép) về phân bổ, bố trí, sử dụng

	quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này		kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật, mức độ đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã phê duyệt.
	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này		
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này		
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này		
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	14	
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>	7	
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100</i>	3,5	- Số theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Văn bản hòa giải thành (nếu có). Lưu tài chính quyết toán. - Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Có báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.
	a) Đạt 100%	3,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
	2. Các vụ, việc hòa giải thành		
	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	2,5	

	a) Đạt 100%		- Có 96% vụ việc hòa giải thành - 1
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	<i>Có Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền.</i>
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	1,5	<i>- Có Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên.</i> <i>- Có Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
	a) Đạt 100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5	
	a) Đạt 100%	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		

	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 3	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100</i> <i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)</i>	4	<i>Có công văn số 80/TGPL-TH&HC ngày 07/12/2022 của Trung tâm GPL Nhà nước tỉnh bình định về cung cấp thông tin GPL và xác nhận Danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định và người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng đã được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý. (Có văn bản cung cấp thông tin của Trung tâm GPL tỉnh Bình Định)</i>
	a) Đạt 100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3	<i>- Có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã về tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân.</i>
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2	
	a) Có tổ chức hội nghị	2	<i>- Có Giấy mời hoặc thông báo thay Giấy mời về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đã được phát</i>
	b) Không tổ chức hội nghị		
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội	1	

	dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật		trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử; gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo cho Nhân dân.
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1	
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức		- Có Báo cáo và biên bản về kết quả tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân; biên bản đối thoại, hồ sơ, tài liệu phục vụ tổ chức hội nghị.
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</i>	4	- Có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp. - Có Giấy mời hoặc thông báo thay Giấy mời họp thôn, biên bản của thôn, bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.
	a) Đạt 100%	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		- Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp.
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 3	Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</i>	4	- Có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã về thực hiện những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết. - Có Giấy mời, thông báo họp thôn; biên bản của thôn, bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình về kết quả đã được Nhân dân
	a) Đạt 100%	4	

	b) Từ 90% đến dưới 100%		bàn, biểu quyết.
	c) Từ 80% đến dưới 90%		- Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 4	Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</i>	4	- Có Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định. - Có Văn bản của cơ quan cấp trên chỉ đạo, giao nhiệm vụ lấy ý kiến Nhân dân - Có Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân.
	a) Đạt 100%	4	- Có Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung lấy ý kiến Nhân dân.
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5	
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4	- Có Kế hoạch giám sát. - Có Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. - Các văn bản, tài liệu được Ủy ban nhân dân xã cung cấp cho Ban Thanh
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4	
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung		
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung		
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung		
	đ) Không tổ chức giám sát		
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin,	1	

	tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng		tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	25	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7	- Có Hình ảnh về địa điểm tiếp công dân. - Có Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân.
	1. Tổ chức tiếp công dân	3	
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5	- Có Quyết định, văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phân công cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân.
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1	- Có Sổ tiếp công dân hoặc thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân hoặc thông tin trên phần mềm quản lý tiếp công dân.
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1	- Hàng tuần UBND xã có lịch giải quyết đơn vào thứ 5, trong ngày từ 01 đến 03 vụ
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh		
	Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100	2	- Có Văn bản hướng dẫn, trả lời kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo; Quyết định giải quyết khiếu nại,
	(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)		- Có Báo cáo kết quả về tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.
	a) Đạt 100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		- Tổng số đơn tiếp nhận

	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2	và tồn tại kỳ trước chuyển sang đã giải quyết xong 63/63 đơn, có báo cáo số 125 kèm theo
	a) Đạt 100%	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%		
	c) Từ 80% đến dưới 90%		
	d) Từ 70% đến dưới 80%		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%		
	e) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>	7	
	a) Đạt 100%	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%		
	c) Từ 90% đến dưới 95%		
	d) Từ 85% đến dưới 90%		
	đ) Từ 80% đến dưới 85%		
	e) Từ 75% đến dưới 80%		
	g) Từ 70% đến dưới 75%		
	h) Từ 50% đến dưới 70%		
	i) Dưới 50%		
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	- Không có cán bộ, công chức bị xử lý, kỷ luật - Có báo cáo đánh giá cán bộ, công chức và cơ quan năm 2022
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách	5	

	nhiệm hình sự		
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự		
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6	<i>Có Quyết định số 20081/QĐ-UBND, ngày 24/11/2023 của UBND thị xã Hoài Nhơn công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đạt khá</i>
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6	
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”		
TỔNG CỘNG:		99	Làm tròn 99 điểm

CHỦ TỊCH UBND XÃ

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Lê Anh Tuấn

Lê Xuân Minh

Ghi chú:

(1) Tài liệu đánh giá tại Phụ lục I là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã xác định kết quả, điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu và không gửi kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp các tài liệu cụ thể phục vụ việc kiểm tra, đánh giá, thẩm định, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các Kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành để triển khai các hoạt động tại chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 4 Phụ lục I được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành 01 (một) Kế hoạch chung để triển khai các nội dung trên thì vẫn được coi là tài liệu đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3 và chỉ tiêu 4 của tiêu chí 4.

II. Hướng dẫn nội dung chỉ tiêu 2, tiêu chí 1; chỉ tiêu 4, tiêu chí 2

1. Chỉ tiêu 2, tiêu chí 1; Văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp xã ban hành được quy định tại Thông tư này bao gồm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã, Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn trong một số lĩnh vực về kinh tế, đất đai, tài nguyên - môi trường, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; dự toán, quyết toán ngân sách địa phương; chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã, phường, thị trấn trong phạm vi được phân quyền.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an cấp xã theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Chỉ tiêu 4, tiêu chí 2; Hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở là hình thức, mô hình có từ 80% trở lên ý kiến của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện các thôn, tổ dân phố xác nhận mô hình đó hiệu quả, phù hợp trong truyền tải thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, được triển khai trên toàn địa bàn, duy trì thường xuyên, liên tục và có khả năng nhân rộng.